|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**Số: /2019/QĐ-TTg | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành “Quy chế quản lý, thực hiện**

**Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam”**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Lãnh đạo Hội Nông dân Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội ngành hàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KTTH (2b). PC | **THỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**\_\_\_\_\_\_\_\_\_**DỰ THẢO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**QUY CHẾ**

**Quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ………/QĐ-TTg*

*ngày tháng năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

##  Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam, sau đây gọi tắt là Chương trình;

2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân liên quan đến việc tham gia quản lý, thực hiện Chương trình.

**Điều 2. Nguyên tắc cơ bản trong quản lý, thực hiện Chương trình**

1. Phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

2. Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường;

3. Bảo đảm công bằng, bình đẳng, khách quan đối với sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân, bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân, trong đó lợi ích quốc gia là cao nhất;

4. Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, dự báo, khả thi, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực của đất nước;

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành thực hiện các hoạt động để thực hiện Chương trình;

6. Phát huy sự chủ động tham gia và đóng góp của cộng đồng xã hội vào quá trình lập kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình;

7. Bảo đảm nguồn lực để thực hiện Chương trình phù hợp với mục tiêu và năng lực tổ chức triển khai từ trung ương đến địa phương;

8. Bảo đảm tính hiệu quả trong việc tổ chức triển khai các hoạt động trong khuôn khổ Chương trình.

 **Điều 3. Các hành vi bị cấm trong hoạt động quản lý, thực hiện Chương trình**

1. Vi phạm những nguyên tắc cơ bản trong quản lý, thực hiện Chương trình;

2. Gây ảnh hưởng tới uy tín, tạo ra các liên tưởng tiêu cực đến hình ảnh và thương hiệu quốc gia;

3. Có hành vi gian lận, lừa dối khi tham gia Chương trình, lợi dụng hình ảnh và thương hiệu quốc gia để phục vụ cho những mục đích xấu, vi phạm pháp luật.

**Chương II**

**NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM**

**Điều 4. Tầm nhìn và mục tiêu**

### 1. Tầm nhìn

Xây dựng thương hiệu quốc gia Việt Nam trở thành hình ảnh tích cực, hấp dẫn và thu hút đối với các nhà nhập khẩu, các du khách, nhà đầu tư, người lao động và người tiêu dùng trên thị trường trong nước và quốc tế.

2. Mục tiêu

a) Xây dựng hình ảnh về Việt Nam là một quốc gia có uy tín về hàng hoá và dịch vụ đa dạng, phong phú với chất lượng cao, từ đó tăng thêm uy tín, niềm tự hào và sức hấp dẫn cho đất nước và con người Việt Nam, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;

b) Xây dựng hình ảnh Việt Nam gắn với các giá trị tích cực, nổi trội thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả của quy trình sản xuất, kinh doanh chuyên nghiệp;

c) Khuyến khích chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế và xuất khẩu theo hướng tập trung vào các ngành có hàm lượng giá trị gia tăng cao góp phần nâng cao sức cạnh tranh cho các thương hiệu Việt Nam trong quá trình hội nhập;

d) Tăng cường liên kết và phối hợp hoạt động của các cơ quan và tổ chức hữu quan trong một hệ thống đồng bộ để gia tăng hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng năng lực cạnh tranh từ quá trình phát triển thương hiệu.

**Điều 5. Các hoạt động của Chương trình**

1. Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp phát triển sản phẩm đáp ứng hệ thống tiêu chí thương hiệu quốc gia Việt Nam:

a) Nghiên cứu, đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chí thương hiệu quốc gia tại các doanh nghiệp;

b) Phổ biến, cung cấp thông tin;

c) Thuê chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước;

d) Đào tạo, tập huấn.

2. Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu ở trong và ngoài nước:

a) Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, tên gọi xuất xứ hàng hoá;

b) Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tuyên truyền, quảng bá;

c) Tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị, hội chợ, triển lãm, đào tạo, tập huấn;

d) Thuê chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước;

đ) Khảo sát, học tập kinh nghiệm quốc tế;

e) Xây dựng, phát hành các sản phẩm thông tin.

3. Các hoạt động thông tin, truyền thông cho Chương trình ở trong và ngoài nước

a) Thuê các tổ chức và chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước xây dựng, phát triển, quảng bá hình ảnh quốc gia, thương hiệu quốc gia Việt Nam; tư vấn lập kế hoạch và thực hiện Chương trình;

b) Điều tra, nghiên cứu thị trường để định hướng cho các hoạt động thông tin, truyền thông;

c) Khảo sát, học tập kinh nghiệm quốc tế về thông tin, truyền thông cho Chương trình;

d) Quảng bá, truyền thông về Chương trình và các doanh nghiệp có sản phẩm thuộc Chương trình tại các sự kiện ngoại giao, kinh tế, thương mại, xúc tiến thương mại - đầu tư - du lịch và trên các phương tiện truyền thông;

 đ) Tổ chức hội thảo, hội nghị, diễn đàn để quảng bá về Chương trình và nội dung Chương trình;

e) Xây dựng, duy trì trang thông tin điện tử đa ngôn ngữ và các phần mềm ứng dụng cho Chương trình;

g) Tổ chức, tham gia sự kiện, hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước;

h) Xây dựng và phát hành các sản phẩm thông tin để truyền thông cho Chương trình.

4. Các hoạt động xúc tiến thương mại được quy định tại Điều 3 Nghị định 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương.

5. Các hoạt động định kỳ, thường xuyên của Chương trình

a) Xây dựng mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển theo từng thời kỳ của Chương trình;

b) Xây dựng hệ thống tiêu chí, biểu trưng Thương hiệu quốc gia Việt Nam;

c) Xét chọn các thương hiệu sản phẩm đáp ứng hệ thống tiêu chí của Chương trình và tổ chức Lễ Công bố các tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia;

d) Bình chọn các tổ chức, doanh nghiệp, sản phẩm đạt các giải thưởng trong khuôn khổ của Chương trình;

đ) Tổ chức Diễn đàn Thương hiệu Việt Nam thường niên;

e) Tổ chức các Tuần lễ Thương hiệu Việt Nam trong và ngoài nước;

g) Tổ chức, tham gia các sự kiện về thương hiệu trong và ngoài nước.

**Chương III**

**QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH**

**Điều 6. Cơ quan quản lý Chương trình**

1. Hội đồng Thương hiệu quốc gia.

2. Hội đồng các Ban Chuyên gia.

3. Ban Thư ký.

**Điều 7. Hội đồng Thương hiệu quốc gia**

1. Hội đồng Thương hiệu quốc gia được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ do một Lãnh đạo Chính phủ làm Chủ tịch Hội đồng, Bộ trưởng Bộ Công Thương làm Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng, một Phó Chủ tịch là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, một Phó Chủ tịch là Thứ trưởng Bộ Công Thương và các Ủy viên Hội đồng. Bộ Công Thương là cơ quan thường trực của Hội đồng Thương hiệu quốc gia.

2. Hội đồng Thương hiệu quốc gia có các chức năng, nhiệm vụ sau:

 a) Chỉ đạo thực hiện Chương trình;

 b) Phê duyệt danh sách tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia;

 c) Tư vấn cho Chính phủ về xây dựng, phát triển, quảng bá thương hiệu và hình ảnh quốc gia Việt Nam;

 d) Tổng hợp đánh giá kết quả, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện Chương trình.

3. Phương thức hoạt động

a) Hội đồng Thương hiệu quốc gia họp mỗi năm một lần. Trong trường hợp đột xuất, Chủ tịch triệu tập các cuộc họp bất thường;

b) Chủ tịch Hội đồng Thương hiệu quốc gia sẽ chủ trì các cuộc họp Hội đồng Thương hiệu quốc gia, trường hợp Chủ tịch vắng mặt sẽ ủy quyền cho một Phó Chủ tịch chủ trì cuộc họp.

**Điều 8. Hội đồng các Ban Chuyên gia**

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập và ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng các Ban Chuyên gia, do lãnh đạo Bộ Công Thương làm Chủ tịch và thành viên là đại diện của các Bộ ngành, tổ chức và cá nhân liên quan.

2. Hội đồng các Ban Chuyên gia có có các chức năng, nhiệm vụ sau:

a) Là bộ phận giúp việc cho Hội đồng Thương hiệu quốc gia;

b) Thực hiện các hoạt động tư vấn có tính chất chuyên môn thuộc Chương trình;

c) Nghiên cứu, đề xuất hệ thống các tiêu chí, quy trình lựa chọn sản phẩm được mang Biểu trưng Thương hiệu quốc gia và các giải thưởng của Chương trình;

d) Thẩm định các tổ chức, doanh nghiệp đăng ký tham gia xét chọn các sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia;

đ) Phối hợp với Ban Thư ký đánh giá các đề án thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ Chương trình.

**Điều 9. Ban Thư ký**

 1. Ban Thư ký là cơ quan giúp việc cho Hội đồng Thương hiệu quốc gia. 2. Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập và ban hành Quy chế làm việc của Ban Thư ký, do Cục trưởng Cục Xúc tiến thương mại – Bộ Công Thương làm Tổng Thư ký, đặt tại Cục Xúc tiến thương mại và được sử dụng con dấu của Cục Xúc tiến thương mại để ban hành các văn bản theo thẩm quyền.

3. Ban Thư ký có các chức năng, nhiệm vụ sau:

a) Giúp việc cho Hội đồng Thương hiệu quốc gia và Hội đồng các Ban Chuyên gia để tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình;

b) Tổng hợp các đề xuất, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm của Chương trình;

c) Báo cáo việc tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình lên Hội đồng Thương hiệu quốc gia;

d) Hướng dẫn, tiếp nhận và tổng hợp hồ sơ đăng ký và phối hợp với Hội đồng các Ban Chuyên gia đánh giá, thẩm định các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình;

đ) Tổ chức thực hiện các hoạt động theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

e) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Chương trình đối với các tổ chức và doanh nghiệp tham gia Chương trình;

g) Quản lý, sử dụng kinh phí theo chế độ tài chính hiện hành.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 10. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch hoạt động của Chương trình Thương hiệu quốc gia**

1. Hàng năm, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội Nông dân Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội ngành hàng (có phạm vi hoạt động trên cả nước) xây dựng đề án thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ Chương trình gửi Ban Thư ký trước ngày 30 tháng 5 của năm trước năm thực hiện.

2. Ban Thư ký đánh giá các đề án, lấy ý kiến tham vấn Hội đồng các Ban Chuyên gia; tổng hợp và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

**Điều 11. Kinh phí thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia**

 1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước cấp hàng năm;

b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia;

c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương và các đơn vị có đề án thực hiện.

b) Chi cho các nội dung quy định tại Điều 5 Quy chế này. Đối với các nội dung khác chưa quy định tại đây, Hội đồng Thương hiệu quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

c) Chi cho các hoạt động quản lý Chương trình Thương hiệu quốc gia.

**Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Công Thương

Bộ Công Thương là cơ quan được Chính phủ giao trách nhiệm quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan thực hiện Quy chế này;

 b) Hướng dẫn xây dựng các đề án, tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và ký kết với các đơn vị thực hiện các đề án;

 c) Tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình và tổng hợp chung trong dự toán của Bộ Công Thương trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật ngân sách;

d) Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các hoạt động thuộc Chương trình;

đ) Tổng hợp, đánh giá kết quả, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện Chương trình;

e) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn các địa phương, tổ chức, cá nhân và đơn vị liên quan thực hiện Chương trình;

g) Phối hợp với các tổ chức, cá nhân huy động các nguồn lực phục vụ hoạt động Chương trình;

 h) Thực hiện các chức năng quản lý nhà nước khác về Chương trình theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 13 năm 2018 của Chính phủ.

2. Bộ Tài chính

 a) Bộ Tài chính chủ trì, hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán các khoản kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật;

 b) Phối hợp với Bộ Công Thương kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội Nông dân Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội ngành hàng

a) Trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm đề xuất, xây dựng và phối hợp thực hiện các đề án theo nội dung của Chương trình;

b) Hàng năm trước ngày 15 tháng 12, các đơn vị được giao thực hiện đề án gửi báo cáo về tình hình thực hiện đề án về Ban Thư ký.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |